

Bản án số: **104/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28/6/2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đoàn Tuấn Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lưu Văn Có**
2. Bà **Nguyễn Thị Lý**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Minh Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh KH tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1145/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Lệ D** sinh ngày 25/4/1991; địa chỉ: Số 158 tổ 13 Phương Mai, phường Vĩnh Phước, thành phố NT, tỉnh KH; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Đàn Tự Huy C** sinh ngày 30/4/1985; địa chỉ: Số 158 tổ 13 Phương Mai, phường Vĩnh Phước, thành phố NT, tỉnh KH; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị Lệ D** trình bày: Bà và ông **Đàn Tự Huy C** tự nguyện kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước, thành phố NT, tỉnh KH. Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông C nảy sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống giữa hai vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau. Mặc dù bà và ông C đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt và trầm trọng hơn, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông C không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Giữa bà và ông Đoàn Tự Huy C có một con chung là cháu Đoàn Tự Thành Nhân, sinh ngày 24/10/2014; khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân và không yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung: Giữa bà và ông Đoàn Tự Huy C không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C*: Tòa án đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt; hồ sơ không thể hiện được lời khai của bị đơn.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên xác định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự tố tụng của vụ án; các đương sự đều đã được đảm bảo thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng, nhưng bà Nguyễn Thị Lệ D khẳng định không còn tình cảm với ông Đoàn Tự Huy C cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với ông C; sau khi thụ lý vụ đối với bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C, tuy đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án; cho thấy ông C không muốn hòa giải mâu thuẫn, đoàn tụ cùng gia đình; do đó, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà D và ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn; đối với vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy con chung của bà D và ông C là cháu Đoàn Tự Thành Nhân còn rất nhỏ (sinh ngày 24/10/2014) cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ thì mới phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; do bà D không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C; ông C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; đối với vấn đề nợ chung, bà D xác định là không có nợ chung; đối với vấn đề tài sản chung, do bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C vẫn cố tình vắng mặt; do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Đoàn Tự Huy C tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước,

thành phố NT, tỉnh KH ngày 17/12/2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 226/2013, Quyền số 02/2013; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D thì trong quá trình chung sống, giữa bà và bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C nảy sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống giữa hai vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau. Mặc dù bà và ông C đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt và trầm trọng hơn, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông C không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Đoàn Tự Huy C đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử cũng xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc; điều này thể hiện bị đơn là ông Đoàn Tự Huy C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ D là chính đáng, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Theo lời khai và các tài liệu do Nguyễn Thị Lệ D cung cấp thì giữa bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Đoàn Tự Huy C có một con chung là cháu Đoàn Tự Thành Nhân, sinh ngày 24/10/2014; bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Nhân còn rất nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ thì mới phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu và vì lợi ích của cháu, cần giao cháu cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nhân.

[4] *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Lệ D xác định là không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Lệ D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D; bà Nguyễn Thị Lệ D được ly hôn với ông Đoàn Tự Huy C.

**Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đoàn Tự Thành Nhân, sinh ngày 24/10/2014; bà Nguyễn Thị Lệ D không yêu cầu ông Đoàn Tự Huy C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đoàn Tự Huy C được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết và vì lợi ích của con; bà D, ông C đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Lệ D xác định là không có nợ chung.

**Về tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Lệ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Lệ D phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0017516 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT, tỉnh KH; bà Nguyễn Thị Lệ D đã nộp đủ tiền án phí.

**Quy định:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Về quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Đoàn Tự Huy C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND thành phố NT;
- Chi cục THADS thành phố NT;
- UBND phường Vĩnh Phước, thành phố NT, tỉnh KH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Tuấn Anh**

